

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Dân

Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Lê Thanh Đ, sinh năm 1977; tại An Giang;

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P, sinh năm 1927 (chết) và bà Phan Thị Q, sinh năm 1936; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có con là Lê Thị N, sinh năm 1999.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trần Thanh S, sinh năm: 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 01 năm 2017, bị cáo Lê Thanh Đ thuê xe ô tô (loại xe 08 chỗ ngồi) biển số 51F-132.91 của anh Trần Thanh S. Bị cáo nói với anh S thuê xe để làm phương tiện đi mua bán cây tràm bông vàng và đồ điện tử, hình thức thuê ngày với giá 600.000 đồng/1 ngày (hợp đồng miệng) và thuê 01 – 02 ngày thì trả lại cho anh S. Đến khoảng tháng 9/2017, bị cáo Đ hợp đồng miệng với S thuê tháng với giá 13.000.000 đồng/1 tháng, anh S đồng ý và giao xe cho Đ.

Ngày 29/9/2017, do không có tiền trả nợ và mua bán gỗ nên bị cáo Đ mang xe ô tô biển số 51F1-132.91 đến nhà Nguyễn Văn S1 thuộc Ấp V, xã V, huyện C và thế chấp với giá là 100.000.000 đồng, lãi suất 06%/1 tháng.

Đến ngày 07/11/2017, để tạo niềm tin cho anh S, bị cáo Đ viết giấy hợp đồng thuê xe của anh S, thời gian từ ngày 07/11/2017 đến ngày 07/02/2018, hình thức thanh toán là trả tiền thuê vào cuối tháng. Đến ngày 07/02/2018, hết thời hạn hợp đồng, bị cáo tiếp tục hợp đồng miệng để thuê xe của anh S. Đến ngày 07/5/2018, hết thời hạn thuê xe nhưng không thấy bị cáo Đ trả xe cũng như không trả tiền thuê xe nên anh S kiểm tra định vị thì thấy xe không hoạt động nhiều ngày tại địa chỉ Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Anh S đến địa chỉ trên thì anh S1 cho biết Đ đã cầm xe từ ngày 29/9/2017 nên anh S đến Công an xã V, huyện C trình báo.

Ngày 23/8/2018, bị cáo Đ bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- Một xe ô tô biển số 51F-132.91; nhãn hiệu TOYOTA; số loại INNOVA-J; số máy 1TR-6533901; số khung 1G-689003333; loại xe ô tô con; màu sơn Ghi bạc; số người cho phép chở 08 người.

- Một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51F-132.91 mang tên Đặng Văn L.

- Một giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 3854058.

- Một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô biển số 51F-132.91.

Các vật chứng trên đã trao trả cho anh Trần Thanh S.

Căn cứ Kết luận định giá số 38/KL.HĐ ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: xe ô tô biển số 51F-132.91, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA-J, số khung: 1G-689003333; số máy: 1TR-6533901, màu sơn trắng; số chỗ ngồi: 8 chỗ, xe đã qua sử dụng, trị giá 219.849.520 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKSCT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang quyết định truy tố để xét xử bị cáo Lê Thanh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình năm sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2017). Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Thanh Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình năm sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ với mức án từ 5 năm đến 7 năm tù và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn S1 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh Đ khai nhận: Bị cáo thuê xe ô tô (loại xe 08 chỗ ngồi) biển số 51F-132.91 của anh Trần Thanh S để làm phương tiện đi mua bán cây tràm bông vàng và đồ điện tử, hình thức thuê ngày sau đó chuyển qua thuê tháng, do không có tiền trả nợ và mua bán gỗ nên bị cáo nảy sinh ý định mang xe của anh S đi cầm, nên đến ngày 29/9/2017 bị cáo mang xe ô tô biển số 51F1-132.91 của anh S đến nhà anh Nguyễn Văn S1 thế chấp với giá là 100.000.000 đồng, lãi suất 06%/1 tháng để lấy tiền tiêu xài và trả nợ.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay hoàn toàn phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và còn phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Kết luận định giá số 38/KL.HĐ ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: xe ô tô biển số 51F-132.91, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA-J, số khung: 1G-689003333; số máy: 1TR-6533901, màu sơn trắng; số chỗ ngồi: 8 chỗ, xe đã qua sử dụng, trị giá 219.849.520 đồng.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Lê Thanh Đ có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Trần Thanh S, sau khi Đ anh S giao xe ô tô (loại xe 08 chỗ ngồi) biển số 51F-132.91 cho bị cáo thuê, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đem đi cầm và bị cáo đem thế chấp cho anh S1 với giá là 100.000.000 đồng, giá trị xe tại thời điểm định giá là 219.849.520 đồng.

Hành vi của Lê Thanh Đ đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình năm sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo cáo trạng Viện kiểm sát quyết định truy tố bị cáo để xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi trái pháp luật đã gây ra.

[4] Xét tính nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của bị hại giao xe cho bị cáo thông qua hợp đồng thuê xe, bị cáo đã lấy xe của anh S đi cầm lấy tiền tiêu xài, bất chấp hậu quả, gây thiệt hại về tài sản không khắc phục được, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội và đề rắn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Song cũng xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra bị hại anh Trần Thanh S đã nhận lại xe và giấy tờ xe nên không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền thuê xe còn thiếu 19.200.000 đồng, tại phiên tòa bị hại anh Trần Thanh S không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền thuê xe còn thiếu 19.200.000 đồng nên không đặt ra xem xét.

- Anh Nguyễn Văn S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý, nghị nên buộc bị cáo trả lại cho anh S1 số tiền 100.000.000 đồng.

[8] Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra bị cáo Đ còn khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản tại thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hiện đang điều tra làm rõ, sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thanh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/8/2018.

Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn S1 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thanh Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh AG;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh AG;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa